TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAM LÂM** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2020/HS-ST
Ngày 03 tháng 3 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM- TỈNH KHÁNH HOÀ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
-Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Được
-Các Hội thẩm nhân dân: -Ông Vũ Đình Hữu
-Ông Lê Quý Hùng
-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Thoại – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Quang P, sinh năm: 1972; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Học vấn:12/12; Cha: Lê Đình S, sinh năm 1948; Mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1953;Vợ: Hoàng Thị N, sinh năm 1973; Con: 02 con (lớn nhất 8 tuổi, nhỏ nhất 3 tuổi); Tiền án, tiền sự: chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/12/2014 đến ngày 20/4/2016 được tại ngoại.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. "có mặt"

Lê Quang P là người xúi giục và thực hành tích cực.

2. Trịnh Văn P1, sinh năm 1984; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: thôn A, xã N, Thị xã A, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: nhân viên; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Xuân L – sinh năm 1958; con bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1961; vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/4/2012 đến ngày 10/9/2012 được tại ngoại; Ngày 08/12/2014 bị bắt tạm giam đến ngày 20/4/2016 được tại ngoại.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. "có mặt"

Trịnh Văn P1 là người thực hành tích cực.

3. Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1987; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 9, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Học vấn: 12/12 Cha: Nguyễn Văn H, sinh năm 1941 (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1942; Vợ, con: chưa; Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/4/2012 đến ngày 13/7/2012 được tại ngoại; Ngày 10/12/2014 bị bắt tạm giam đến ngày 05/01/2015 được tại ngoại.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. "có mặt"

Nguyễn Văn T1 là người thực hành tích cực.

4. Phạm Ngọc H, sinh năm: 1982; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: thôn D, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Học vấn: 07/12; Cha: Phạm Ngọc D (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị S1; Vợ: Đỗ Như S2, sinh năm 1986; có 2 con:(lớn 7 tuổi, nhỏ 7 tháng); Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/12/2014 đến ngày 10/02/2016 được tại ngoại;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. "có mặt"

Phạm Ngọc H là người thực hành tích cực.

-Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn P1: Luật sư Ngô Minh Thành- Văn phòng luật sư Minh Thanh và cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa.

+Nguyên đơn dân sự

1-Công ty TNHH H1:

Địa chỉ: Lô B, khu công nghiệp Suối Dầu, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: bà Thiều Thị Cẩm T2- Giám đốc. (vắng mặt)

2-Công ty TNHH H2:

Địa chỉ: Lô C, khu công nghiệp Suối Dầu, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: ông Huỳnh Thanh L1- Giám đốc. (vắng mặt)

+Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bùi Duy P2, sinh năm 1977-Địa chỉ: 204 đường T, phường Pi, TP N- Vắng mặt

+Người làm chứng:

1. Hoàng Nguyễn Thanh K, sinh năm 1996, Địa chỉ: thôn C, xã C, huyện C-Vắng mặt

2. Nguyễn Bá K1, sinh năm 1973, Địa chỉ: 46 đường T, phường P, thành phố N-Vắng mặt

3. Hoàng Thanh S3, sinh năm 1981; Địa chỉ: thôn D, xã S, huyện C-Vắng mặt

4. Trần Ngọc T3, sinh năm 1987; Địa chỉ: thôn V, xã S, huyện C-Vắng mặt

5. Mai Tiến H3, sinh năm 1987; Địa chỉ: thôn V, xã S, huyện C-Vắng mặt

6. Trần Nhật B, sinh năm 1975; Địa chỉ: Đội 2, thôn H, xã S, huyện D-Vắng mặt

7. Nguyễn Văn H4, sinh năm 1957; Địa chỉ: 82/153 Lý Chính T, phường 8, Quận 3, TP HCM-Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Văn P1, Lê Quang P, Nguyễn Văn T1 là nhân viên tại bộ phận kinh doanh chuẩn bị hồ sơ hải quan để làm thủ tục xuất, nhập khẩu hàng cho Công ty TNHH thủy sản H2 và Công ty TNHH thủy sản H1 có trụ sở chính tại Khu công nghiệp S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa) (chi nhánh 2 tại số 93 X, phường T, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh).

Từ khoảng cuối năm 2010, P1, P, T1 đã bàn bạc với nhau để trộm cắp cá ngừ đông lạnh trong container hàng của 02 công ty trên nhập về tại cảng VICT (quận 7, thành phố Hồ Chí Minh) và cảng C (quận 2 thành phố Hồ Chí Minh) với phương thức và thủ đoạn: P thực hiện việc tháo và gắn lại seal hãng tàu, liên hệ xe ô tô tải loại 2,5 tấn để chở cá và là đầu mối tiêu thụ cá, P1 móc nối với các tài xế chở container dừng xe tại địa điểm vắng để thực hiện việc trộm cắp cá, T1 thông báo danh sách các tài xế chở container ở cảng cho P biết, xin seal hải quan để tự bấm vào container rồi để cho lái xe chở container về Khánh Hòa. Qua kiểm tra hàng hóa, công ty TNHH thủy sản H2 và công ty TNHH thủy sản H1 đã phát hiện một số container bị tháo seal và mất hàng nên đã trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa. Qua điều tra các bị can đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

- Vụ thứ nhất: Ngày 22/12/2010, Hoàng Thanh S3 điều khiển xe ô tô biển số 79D – 3303 chở container số hiệu OOLU 6138416 đến cảng VICT nhận hàng là cá ngừ đại dương để nhập về kho đông lạnh của công ty TNHH H2 ở khu công nghiệp S, huyện C. Khi thấy xe của S3, T1 gọi điện thoại cho P1 biết. Đến buổi tối, sau khi bốc hàng xong xe bắt đầu rời cảng thì P1 gọi điện thoại cho S3 dừng lại tại một bãi đất trống (không xác định được địa điểm) để kiểm tra hàng. Khi dừng xe, P1 đưa cho S3 500.000 đồng đi ăn tối và uống nước để P có thời gian mở seal và gọi xe tải 2,5 tấn đến chở cá. Sau khi Sang đi thì bọn P lấy được 1.020.5kg cá, P gắn lại seal của hãng tàu, còn P1 thì gắn seal của hải quan và seal của công ty vào container rồi chụp ảnh gửi về công ty theo quy định. Số cá trộm cắp bán được P chia cho P1 và T1 mỗi người được khoản 12 triệu đồng.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 04/3/2016 của Hồi đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa xác định thiệt hại của 1.020,5kg cá ngừ đại dương đông lạnh là 1.020,5 kg x 33.150 đồng = 33.829.575 đồng.

Với phương thức và thủ đoạn như trên P, P1, T1 đã thực hiện các vụ trộm cắp cá của 02 công ty H1 và H2 như sau:

- Vụ thứ hai: Ngày 18/02/2012, P, P1, T3 thực hiện hành vi trộm cắp 1.214,5 kg cá ngừ đại dương đông lạnh của công ty TNHH H2 do lái xe Nguyễn Bá K1 điều khiển chở container số hiệu OOLU6422042. Tại biên bản định giá giá ngày 04/3/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa xác định thiệt hại của 1.214,5 kg cá ngừ đại dương nguyên con đông lạnh là: 1.214,5 kg x 56.947,8 đồng = 69.163.103 đồng.

- Ngày 18/02/2012, P, P1, T1 thực hiện hành vi trộm cắp 1.133,2 kg cá ngừ đại dương đông lạnh của công ty TNHH H2 do lái xe Hoàng Thanh S3 điều khiển chở container số hiệu OOLU6184900. Tại biên bản định giá ngày 04/3/2016 của Hội đồng

định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa xác định thiệt hại của 1.33,2 kg x 56.947,8 đồng = 64.533.247 đồng

- Khoảng 17 giờ ngày 13/3/2012 P, P1 trộm cắp 1.243,4 kg cá ngừ đại dương đông lạnh của công ty TNHH H2 do lái xe Mai Tiến H3 điều khiển chở container số hiệu OOLU6201890. Tại biên bản định giá ngày 04/3/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa xác định thiệt hại của 1.243,4 kg x 46.957,5 đồng = 58.386.956 đồng.

- Ngày 13/3/2012, P, P1, T1 trộm cắp 1.691,3 kg cá ngừ đại dương đông lạnh của công ty NTHH H2 do lái xe Trần Ngọc T3 điều khiển chở container số hiệu OOLU6086776. Tại biên bản định giá ngày 04/3/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa xác định thiệt hại của 1.691,3 kg x 46.957,5 đồng = 79.419.220 đồng.

- Khoảng 19 giờ ngày 17/3/2012, P, P1 thực hiện vụ trộm cắp 1.514 kg cá ngừ đại dương đông lạnh của công ty TNHH H1 do lái xe Trần Nhật B điều khiển chở container số hiệu OOLU6167760 (riêng T1 không tham gia nhưng vẫn được P chia tiền). Tại biên bản định giá ngày 04/3/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa xác định thiệt hại của 1.514 kg x 46.912,5 đồng = 71.025.525 đồng.

- Ngày 17/3/2012, khi thấy tài xế Phạm Ngoc H chở container số hiệu OOLU6197240 tại cảng VICT về giao cho công ty TNHH H2 ở KCN S, C. T1 gọi điện thoại cho P1 biết. Tối ngày 17/3/2012, sau khi thỏa thuận được với H về việc trộm cá, P1 hướng dẫn H dừng xe ô tô tại đoạn đường vắng (không xác định được địa điểm). Sau đó, P trực tiếp mở seal hãng tàu và gọi xe tải 2,5 tấn đến để trộm cá trên container. Sau hi trộm cá xong, P gắn lại seal hãng tàu, còn P1 gắn seal của hải quan và seal công ty vào container rồi ảnh gửi về công ty. Số cá trộm bán được P chia cho H 2 triệu, P1, T1 mỗi người 12 triệu.

Qua kiểm tra hàng tại công ty TNHH H2 thì số cá ngừ đại dương nguyên con đông lạnh bị mất trộm là 1.867,1 kg. Tại biên bản định giá ngày 12/6/2012 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa xác định thiệt hại của 1.867,1 kg x 53.111,4 đồng = 99.164.295 đồng.

Theo bản Cáo Trạng số 17/CT-VKS ngày 25/5/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa truy tố Lê Quang P, Trịnh Văn P1, Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản", theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự, truy tố Phạm Ngọc H về tội "trộm cắp tài sản" theo điểm e khoản 2 điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đối với Hoàng Thanh S3, Nguyễn Bá K1, Trần Ngọc T3, Trần Nhật B, Mai Tiến H3, quá trình điều tra không chứng minh được việc S3, K1, T3, B, H3 tham gia trộm cắp tài sản nên chưa đủ cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự.

Đối với Nguyễn Văn H4, nguyên cán bộ hải quan cảng VICT cung cấp seal cho T1 nhưng H4 không có trách nhiệm về hàng hóa trong các container nên không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H4.

Đối với một số người mua cá do P và đồng phạm trộm cắp cá để bán, Cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh nhưng không xác định được người mua cá nên không có căn cứ để xử lý.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm đề nghị Hội đồng xét xử:

-Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; Điều 585, 589 Bộ luật dân sự đối với các bị cáo Lê Quang P, Trịnh Văn P1, Nguyễn Văn T1.

+Xử phạt Lê Quang P từ 05 năm đến 06 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ vào thời hạn đã bị tạm giam trước đó là 16 tháng 15 ngày (bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/12/2014 đến ngày 20/4/2016).

Buộc bị cáo P tiếp tục bồi thường cho nguyên đơn dân sự số tiền 65.925.185 đồng.

+Xử phạt Trịnh Văn P1 từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ vào thời hạn đã bị tạm giam trước đó là 21 tháng 15 ngày (bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/4/2012 đến ngày 10/9/2012 được tại ngoại và ngày 08/12/2014 bị bắt tạm giam đến ngày 20/4/2016 được tại ngoại).

Buộc bị cáo P1 bồi thường tiếp cho nguyên đơn dân sự số tiền 65.925.185 đồng.

+Xử phạt Nguyễn Văn T1 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ vào thời hạn đã bị tạm giam trước đó là 03 tháng 25 ngày (bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/4/2012 đến ngày 13/7/2012 được tại ngoại và ngày 10/12/2014 bị bắt tạm giam đến ngày 05/01/2015 được tại ngoại)

Buộc bị cáo T1 tiếp tục bồi thường cho nguyên đơn dân sự số tiền 18.880.478 đồng.

-Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; Điều 585, 589 Bộ luật dân sự đối với bị cáo Phạm Ngọc H.

+Xử phạt Phạm Ngọc H từ 01 năm 02 tháng tù bằng thời hạn đã bị tạm giam trước đó là 01 năm 02 tháng tù (bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/4/2012 đến ngày 13/7/2012 được tại ngoại và ngày 11/12/2014 bị bắt tạm giam đến ngày 10/2/2016 được tại ngoại)

Buộc bị cáo H tiếp tục bồi thường cho nguyên đơn dân sự số tiền 14.791.073 đồng.

Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

Nguyên đơn dân sự là Công ty TNHH H1 và Công ty TNHH H2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản thừa nhận các bị cáo Phong, Phương, Tiến, Hân đã 3 lần

bồi thường thiệt hại khắc phục một phần hậu quả với tổng số tiền là 310.000.000 đồng và có ý kiến xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn dân sự, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nhưng xét họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra nên không có ảnh hưởng gì đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để kết luận:

Từ ngày 22/12/2010 đến ngày 17/3/2012, Lê Quang P, Trịnh Văn P1, đã thực hiện 07 vụ trộm cắp cá ngừ đại dương đông lạnh; Nguyễn Văn T1 đã tham gia thực hiện 05 vụ trộm cắp cá ngừ đại dương đông lạnh của Công ty TNHH H2 và Công ty TNHH H1 có trụ sở tại Khu Công nghiệp S, huyện C với số tiền chiếm đoạt là 475.521.921 đồng; Phạm Ngọc H tham gia trộm cắp 01/07 vụ (ngày 17/3/2020) với số tiền là 99.164.164.295 đồng.

Hành vi của các bị cáo P, P1, T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm truy tố các bị cáo theo cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 25 tháng 5 năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, đã bàn bạc cùng nhau dùng phương thức, thủ đoạn để nhằm chiếm đoạt tài sản của hai đơn vị là Công ty TNHH H2 và Công ty TNHH H2, hành vi đó của các bị cáo đã xâm phạm đến pháp luật về quyền sở hữu của tổ chức kinh tế đã được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an trong xã hội do đó cần có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có vai trò khác nhau trong vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội có khác nhau nên khi lượng hình cũng cần xem xét cho phù hợp.

-Đối với bị cáo P: bị cáo P với vai trò là người có hành vi xúi giục và cũng là người thực hành tích cực, bị cáo tham gia trộm cắp là 7 vụ, phạm tội nhiều lần nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận tội, đã tự nguyện nhiều lần bồi thường khắc phục hậu quả thiệt hại được nguyên đơn dân sự có ý kiến xin xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo là thành phần nhân dân lao động, chưa có tiền án tiền sự, hoàn cảnh gia đình có con còn nhỏ nên cũng cần chiếu cố xem xét giảm nhẹ cho bị cáo mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe bị cáo và để bị cáo thấy được chính sách nhân đạo khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo thành ng-ười có ích cho xã hội.

-Đối với bị cáo P1: bị cáo P1 với vai trò là người là người thực hành tích cực, so với bị cáo P1 thì vai trò có phần nhẹ hơn nên cần có mức án nhẹ hơn là phù hợp; bị cáo tham gia trộm cắp là 7 vụ, phạm tội nhiều lần nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nhận tội, đã tự nguyện nhiều lần bồi thường khắc phục hậu quả thiệt hại được nguyên đơn dân sự có ý kiến xin xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo cũng là thành phần nhân dân lao động, chưa có tiền án tiền sự nên cũng cần chiếu cố xem xét giảm nhẹ cho bị cáo mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe bị cáo và để bị cáo thấy được chính sách nhân đạo khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo thành người có ích cho xã hội.

-Đối với bị cáo T1: bị cáo T1 với vai trò là người là người thực hành tích cực, so với bị cáo P, P1 thì vai trò có phần nhẹ hơn nên cần có mức án nhẹ hơn là phù hợp; bị cáo tham gia trộm cắp là 5 vụ, phạm tội nhiều lần nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nhận tội, đã tự nguyện nhiều lần bồi thường khắc phục hậu quả thiệt hại được nguyên đơn dân sự có ý kiến xin xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo cũng là thành phần nhân dân lao động, chưa có tiền án tiền sự nên cũng cần chiếu cố xem xét giảm nhẹ cho bị cáo mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe bị cáo và để bị cáo thấy được chính sách nhân đạo khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo thành người có ích cho xã hội.

-Đối với bị cáo H: bị cáo H với vai trò là người là người thực hành tích cực, so với bị cáo P, P1, T1 thì vai trò có phần nhẹ hơn nên cần có mức án nhẹ hơn là phù hợp; bị cáo tham gia trộm cắp là 01 vụ nên cần có mức hình phạt tương xứng nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nhận tội, đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả thiệt hại được nguyên đơn dân sự có ý kiến xin xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo cũng là thành phần nhân dân lao động, chưa có tiền án tiền sự, hoàn cảnh gia đình có con còn nhỏ nên cũng cần chiếu cố xem xét giảm nhẹ cho bị cáo mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt và bằng mức án đã bị tạm giam trước đó cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe bị cáo và để bị cáo thấy được chính sách nhân đạo khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[3] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Tổng số thiệt hại được xác định bằng tiền là 475.521.921 đồng; nguyên đơn dân sự đã thừa nhận các bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả 3 lần với tổng số tiền là 310.000.000 đồng, số tiền còn lại là 165.521.921 đồng cần buộc các bị cáo tiếp tục bồi thường.

[4] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên: ông Nguyễn Nam Ninh - Điều tra viên thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an tỉnh Khánh Hòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Kiểm sát viên: Ông Phạm Thanh Thoại- Kiểm sát viên -Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Luật sư: Ông Ngô Minh Thành- Luật sư Văn phòng Luật sư Minh Thanh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 đối với các bị cáo Lê Quang P, Trịnh Văn P1, Nguyễn Văn T1.

+Xử phạt Lê Quang P1 04 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng được trừ vào thời hạn đã bị tạm giam trước đó là 01 năm 04 tháng 15 ngày (bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/12/2014 đến ngày 20/4/2016 được tại ngoại), thời hạn còn lại phải chấp hành là 03 năm 01 tháng 15 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+Xử phạt Trịnh Văn P1 03 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng được trừ vào thời hạn đã bị tạm giam trước đó là 01 năm 09 tháng 15 ngày (bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/4/2012 đến ngày 10/9/2012 được tại ngoại và ngày 08/12/2014 bị bắt tạm giam đến ngày 20/4/2016 được tại ngoại), thời hạn còn lại phải chấp hành là 01 năm 08 tháng 15 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+Xử phạt Nguyễn Văn T1 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng được trừ vào thời hạn đã bị tạm giam trước đó là 03 tháng 25 ngày (bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/4/2012 đến ngày 13/7/2012 được tại ngoại và ngày 10/12/2014 bị bắt tạm giam đến ngày 05/01/2015 được tại ngoại), thời hạn còn lại phải chấp hành là 02 năm 02 tháng 05 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 đối với bị cáo Phạm Ngọc H1.

+Xử phạt Phạm Ngọc H1 01 năm 02 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" bằng thời hạn đã bị tạm giam trước đó là 01 năm 02 tháng (bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/12/2014 đến ngày 10/02/2016 được tại ngoại). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

-Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 585, 589 Bộ luật dân sự đối với các bị cáo Lê Quang P, Trịnh Văn P1, Nguyễn Văn T1, Phạm Ngọc H:

Buộc bị cáo Lê Quang P tiếp tục bồi thường cho hai Công ty TNHH Hải Long và Công ty TNHH Hải Vương số tiền 65.925.185 đồng.

Buộc bị cáo Trịnh Văn P1 tiếp tục bồi thường cho hai Công ty TNHH H2 và Công ty TNHH H1 số tiền 65.925.185 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T1tiếp tục bồi thường cho hai Công ty TNHH H2 và Công ty TNHH H1 số tiền 18.880.478 đồng.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc H tiếp tục bồi thường cho hai Công ty TNHH H2 và Công ty TNHH H1 số tiền 14.791.073 đồng.

-Về án phí: Căn cứ Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Lê Quang P, Trịnh Văn P1, Nguyễn Văn T1, Phạm Ngọc H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Quang P phải chịu 3.296.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trịnh Văn P1 phải chịu 3.296.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chịu 944.023 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Ngọc H phải chịu 739.553 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

-Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Qui định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận :
-Tòa án nhân dân Tỉnh Khánh Hòa;
-Viện KSND tỉnh Khánh Hòa;
-Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
-Viện KSND huyện Cam Lâm;
-Công an huyện Cam Lâm;
-Chi cục THADS huyện Cam Lâm;
-Bị cáo, NĐDS;người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
-Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Được

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Công an huyện Cam Lâm;
- THADS huyện Cam Lâm;
- Bị cáo, người đại diện hợp pháp;
- Người bào chữa;
- Bị hại, người liên quan;
- Lưu AV, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Trần Được